

Bản án số: 61/2026/HS-ST

Ngày: 25/3/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Kim Quy

Bà Lò Hải Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Giàng A Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lai Châu tham gia phiên tòa: ông Tăng Bá Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2026/TLST – HS ngày 11/02/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2026/QĐXXST-HS ngày 11/3/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hà Thu H**, Không có tên gọi khác; Giới tính: Nữ, sinh ngày 09/5/1991 tại tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú: Bản S, xã B, tỉnh Lai Châu; CCCD số: 012191001031 cấp ngày 06/3/2024 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH – Bộ C; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Hà Văn B, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; Chồng: Lâm Văn Đ, sinh năm 1992; Con: Có 02 con con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2022; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Theo bản án hình sự sơ thẩm số 35/2025/HS-ST ngày 03/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn tuyên Hà Thu H phạm tội “Tham ô tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 353, điểm b, s khoản 1 Điều 51, các Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự, xử phạt Hà Thu H 02 năm 06 tháng tù và buộc phải chịu 200.000 đồng án phí. Hà Thu H chưa chấp hành án nhưng hành vi phạm tội của H tại bản án này thực hiện sau khi H thực hiện hành vi phạm tội ngày 22/6/2023 nên H được coi là không có tiền án.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/7/2025 cho đến nay tại xã B, tỉnh Lai Châu. (Có mặt).

- Bị hại: Công ty TNHH B1

Địa chỉ trụ sở: Tầng B, Trung tâm thương mại S, C T, phường S, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: ông Kevin Joong K – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hà Thị Quỳnh U; ông Phan Nguyễn Triều N; ông Nguyễn Hoàng A. Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà P, số H H, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. (*Văn bản ủy quyền số 209-12/12.25/PL, ngày 12/12/2025*) (Đề u vắng mặt có lý do)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 01/6/1978. Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, Thành phố Hà Nội (vắng mặt có lý do)

* *Người tham gia tố tụng khác:*

- *Người làm chứng:*

- Chị Vũ Thị Tuyết M, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn C, xã V, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt có lý do)

- Bà Đàm Thị T1, sinh năm 1984; Địa chỉ: Bản H, xã D, tỉnh Lai Châu; (vắng mặt không có lý do)

- Ông Ngô Văn T2, sinh năm 1983; Địa chỉ: Bản H, xã D, tỉnh Lai Châu; (vắng mặt không có lý do)

- Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ dân phố S, phường T, tỉnh Lai Châu; (có mặt)

- Anh Lò Xuân T3, sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ A, phường T, tỉnh Lai Châu; (vắng mặt không có lý do)

- Anh Lâm Văn Đ, sinh năm 1992; Địa chỉ: Khu phố F, xã B, tỉnh Lạng Sơn; (vắng mặt có lý do)

- Bà Phạm Thị H3, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường T, tỉnh Lai Châu. (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH MTV B2 được thành lập ngày 16/8/2017, có trụ sở tại số nhà E, đường T, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu (nay là phường Đ, tỉnh Lai Châu), do bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 01/6/1978, HKTT tại thôn T, xã Đ, Thành phố Hà Nội làm Giám đốc. Ngày 18/9/2017, Công ty TNHH MTV B2 ký hợp đồng Tổng Đại Lý với Công ty TNHH B1 rồi thành lập Văn phòng T4, cùng địa chỉ với Công ty TNHH MTV B2.

Trong quá trình hoạt động, bà H1 ký hợp đồng lao động với Hà Thu H, sinh năm 1991, trú tại bản Sân Bay, xã B, tỉnh Lai Châu. H có nhiệm vụ chính là thu phí bảo hiểm của khách hàng nộp tiền về Công ty TNHH B1 theo quy định. H là nhân viên duy nhất của Văn phòng T4 được Công ty TNHH B1 cấp mã thu phí bảo hiểm (CS LAH) và đã được tập huấn đầy đủ về nghiệp vụ. Cũng theo quy định của Công ty thì H phải nộp số tiền phí bảo hiểm thu được về Công ty TNHH B1 trong ngày hoặc chậm nhất là trước 15 giờ ngày hôm sau.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ, H luôn thu, nộp số tiền phí bảo hiểm về Công ty TNHH B1 đầy đủ, đúng thời gian quy định. Đến ngày 21/6/2023, H trực tiếp thu số tiền 2.219.900 đồng phí bảo hiểm của khách hàng Đàm Thị T1, sinh năm 1984 và số tiền 2.164.000 đồng của khách hàng Ngô Văn T2, sinh năm 1983. Đồng thời H cũng nhận số tiền 36.851.300 đồng phí bảo hiểm từ chị Vũ Thị Tuyết M, sinh năm 1996, là nhân viên kinh doanh của Công ty gồm các khoản thu: 34.347.100 đồng thu của khách hàng Nguyễn Văn H2, sinh năm 1987 và 2.504.200 đồng thu

của khách hàng Phạm Thị H3, sinh năm 1979. Tổng số tiền H đã thu và nhận trong ngày 21/6/2023 là 41.235.200 đồng, H đã lập và phát hành đầy đủ phiếu thu theo quy định. Do H thu tiền sau 15 giờ ngày 21/6/2023 nên H gửi toàn bộ số tiền thu được trong két sắt của Công ty.

Đến gần 15 giờ ngày 22/6/2023, H rút toàn bộ số tiền 41.235.200 đồng trong két để đi nộp về Công ty B1. H nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên nên sau khi rút tiền H không nộp về Công ty mà đã sử dụng toàn bộ số tiền này để chi trả các khoản nợ của cá nhân. Đến khoảng 15 giờ 45 phút cùng ngày, H đã tự ý lấy điện thoại của chồng là Lâm Văn Đ, sinh năm 1992 gọi điện cho bà H1 nói dối rằng bị ngất trên đường và bị mất toàn bộ số tiền cùng điện thoại. Khi H quay lại Văn phòng T4 thì bà H1 đã bảo anh Lò Xuân T3, sinh năm 1991, là nhân viên Công ty chở H đến Cơ quan Công an để trình báo sự việc, đồng thời bà H1 cũng tự lấy 41.235.200 đồng của cá nhân để nộp trước về Công ty TNHH B1. Trên đường anh T3 chở H đến Cơ quan Công an thì H đã thừa nhận với anh T3 về việc chiếm đoạt và tiêu hết số tiền phí bảo hiểm của khách hàng nói trên nên anh T3 đã chở H quay lại Văn phòng T4. Tại đây, Hà Thu H thừa nhận hành vi chiếm đoạt tiền của mình và hứa sẽ hoàn trả cho bà H1 nhưng không thực hiện, tự ý nghỉ việc và rời khỏi địa phương nên ngày 16/8/2023 bà H1 đã làm đơn trình báo Cơ quan Công an.

Ngày 16/5/2025, H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L khởi tố vì đã có hành vi tham ô tài sản của Công ty C1 vào ngày 10/9/2024 (*hiện vụ án đã xét xử xong*). Sau khi H bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã B, tỉnh Lai Châu thì Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L mới tiến hành triệu tập được H lên làm việc. Tại Cơ quan điều tra, H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Cáo trạng số 57/CT- VKSKV1, ngày 11/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lai Châu đã truy tố Hà Thu H về tội “Tham ô tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự.

* Quá trình giải quyết vụ án, tại văn bản số 155-22/10.25 ngày 22/10/2025 Công ty TNHH B1 trình bày: Bà Hà Thu H, nhân viên CS LAH đã được Công ty B1 tập huấn nghiệp vụ giao dịch bảo hiểm, nghiệp vụ CSBO từ 01/3/2023 đến ngày 08/3/2023. Do văn phòng tổng đại lý T4 đã nộp tiền phí bảo hiểm thu được của khách hàng cho P nên chưa xảy ra thiệt hại về tài chính. Văn phòng tổng đại lý T4 ký hợp đồng với P để cung cấp dịch vụ Tổng đại lý bảo hiểm và dịch vụ hỗ trợ cho P nên chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Prudential đối với các hoạt động thu phí, nộp phí, phục vụ khách hàng. Trường hợp Văn phòng Tổng đại lý T4 thu được phí bảo hiểm từ khách hàng nhưng không nộp về Prudential có thể gây thiệt hại cho P, P phải chịu trách nhiệm với khách hàng về số tiền Tổng đại lý T4 thu được. Đối với số tiền 41.235.000 đồng bị cáo Hà Thu H đã chiếm đoạt P không có ý kiến gì đối với số tiền trên. Trong đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện theo uỷ quyền Công ty TNHH B1 đề nghị giải quyết hậu quả pháp lý vụ án theo đúng quy định pháp luật để đảm bảo tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của P. Xử lý, xét xử bị cáo Hà Thu H theo đúng quy định pháp luật.

* Quá trình giải quyết vụ án và trong đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H1 trình bày: Việc bà H1 bỏ số tiền 41.235.200 đồng ra để nộp về Công ty B1 là do bà sợ ảnh hưởng đến quyền lợi

của khách hàng và ảnh hưởng đến công ty nên bà tự bỏ ra nộp, nay bà H1 yêu cầu bị cáo Hà Thu H trả cho bà số tiền 41.235.200 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lai Châu giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hà Thu H phạm tội “Tham ô tài sản”.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Hà Thu H từ 02 năm 04 tháng đến 02 năm 06 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt với bản án số 35/2025/HS-ST ngày 03/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn đã xử phạt bị cáo Hà Thu H là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tham ô tài sản”, được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ là 09 ngày từ ngày 10/7/2025 đến ngày 19/7/2025, bị cáo còn phải chấp hành 02 (hai) năm 05 (năm) tháng 21 (hai mươi một) ngày tù. Ấn định hình phạt chung của hai bản án mà bị cáo Hà Thu H phải chấp hành. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Hà Thu H phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu H1 số tiền 41.235.200 đồng. Quá trình điều tra bị cáo Hà Thu H đã tự nguyện nộp số tiền 41.236.000 đồng để khắc phục do hành vi phạm tội gây ra. Do vậy, cần tiếp tục tạm giữ số tiền 41.236.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Bị cáo Hà Thu H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bị cáo Hà Thu H không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lai Châu.

Tại lời nói sau cùng bị cáo Hà Thu H xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai đã khai báo tại cơ quan điều tra về quá trình thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ. Như vậy đã có đủ căn cứ khẳng định: Ngày 22/6/2023, tại phường Q, thành phố L,

tỉnh Lai Châu (nay là phường Đ, tỉnh Lai Châu), Hà Thu H đã lợi dụng quyền hạn khi được giao thực hiện nhiệm vụ thu phí bảo hiểm của khách hàng nộp tiền về Công ty TNHH B1 để chiếm đoạt 41.235.200 đồng của Công ty TNHH B1 đem đi tiêu xài cá nhân.

Vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản và hoạt động đúng đắn bình thường của tổ chức kinh tế, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật tuy nhiên vì mục đích tư lợi muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo Hà Thu H đã phạm vào tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự. Vì vậy, quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật, có căn cứ chấp nhận.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Ngày 03/12/2025, tại bản án hình sự sơ thẩm số 35/2025/HS-ST Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn tuyên Hà Thu H phạm tội “Tham ô tài sản” và xử phạt 02 năm 06 tháng tù và buộc phải chịu 200.000 đồng án phí. Hà Thu H chưa chấp hành án nhưng hành vi phạm tội của H tại bản án này thực hiện sau khi H thực hiện hành vi phạm tội ngày 22/6/2023 nên H được coi là không có tiền án.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả; bị cáo có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T được tặng thưởng nhiều bằng khen và giấy khen. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: quy định tại khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Xét thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Công ty TNHH B1 không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H1 yêu cầu bị cáo Hà Thu H trả cho bà số tiền 41.235.200 đồng. Xét thấy, tại thời điểm bà H1 bỏ số tiền 41.235.200 đồng ra để nộp về Công ty B1 là do bà H1 sợ ảnh hưởng đến quyền lợi của khách hàng và ảnh hưởng đến công ty, bị cáo Hà Thu H không vay mượn hay nhờ bà H1 đứng ra nộp hộ nhưng sau khi biết bà H1 đã nộp tiền vào cho công ty TNHH B1 thì tại phiên tòa H đã cam kết sẽ trả lại tiền cho bà H1 và nhất trí dùng số tiền 41.236.000 đồng đã nộp để khắc phục hậu quả cho bà H1. Do

vậy, căn cứ Điều 48 bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, bị cáo Hà Thu H phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền 41.235.200 đồng cho bà H1.

Quá trình điều tra bị cáo Hà Thu H đã tự nguyện nộp số tiền 41.236.000 đồng để khắc phục do hành vi phạm tội gây ra. Xét thấy bị cáo còn phải thi hành nghĩa vụ bồi thường và án phí nên cần tiếp tục tạm giữ số tiền 41.236.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại trước khi mở phiên tòa nên bị cáo không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền đã tự nguyện nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 48, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự; Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hà Thu H phạm tội “Tham ô tài sản”.

[2] Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Hà Thu H 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt với bản án số 35/2025/HS-ST ngày 03/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn đã xử phạt bị cáo Hà Thu H là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tham ô tài sản”, được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ là 09 ngày từ ngày 10/7/2025 đến ngày 19/7/2025, bị cáo còn phải chấp hành 02 (hai) năm 05 (năm) tháng 21 (hai mươi một) ngày tù. Hình phạt chung của hai bản án mà bị cáo Hà Thu H phải chấp hành là 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng 21 (hai mươi một) ngày tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Hà Thu H phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền 41.235.200 đồng cho bà Nguyễn Thị Thu H1. Quá trình điều tra bị cáo Hà Thu H đã tự nguyện nộp số tiền 41.236.000 đồng để khắc phục do hành vi phạm tội gây ra. Xét thấy bị cáo còn phải thi hành nghĩa vụ bồi thường và án phí nên cần tiếp tục tạm giữ số tiền 41.236.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản hồi 16 giờ 20 phút ngày 27/02/2026 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh L và Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Lai Châu)

[3] Về án phí: Bị cáo Hà Thu H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an tỉnh Lai Châu (Phòng hồ sơ nghiệp vụ; CQĐT; Trại tạm giam; Cơ quan THAHS);
- VKSND khu vực 1 - Lai Châu;
- Phòng THADS khu vực 1 - Lai Châu;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Thị Tuyết